

ĐẠI TỖ LÔ GIÁ NA KINH
A XÀ LÊ CHÂN THẬT TRÍ PHẨM TRUNG
A XÀ LÊ TRỤ A TỰ QUÁN MÔN

(Cũng có tên là **Tứ Trùng Tự Luân Mạn Đồ La Thành Thân Quán**.
Cũng gọi là **Tam Trùng Bồ Tự Thành Thân Mạn Đồ La Quán Hạnh**)

Phạn Hán dịch: Chùa Tịnh Ảnh, viện Tỳ Khởi, Ngũ Bộ Trì Niệm Tăng DUY CĂN
thuật **Thành Nhập Lý Quỹ Nghi**, một quyển
Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

Phàm nói **A Xà Lê** (Ācārye) là giải Chân Ngôn tối bí trong bí, Trí Đại Tâm. Chữ **A** (𑖀) gọi là **Chủng Tử** cho nên tất cả như vậy y theo Pháp đều nhận khắp. Nếu đối với Giáo Pháp này, hiểu Trí rộng lớn ấy, Công Đức lớn của Chính Giác thì nói tên là **A Xà Lê**. Đó tức là **Như Lai**, cũng tức tên là **Phật**. Tiếng Phạn ghi là **Hãn Lật Đà** (Hṛda). Hãn Lật Đà tức là Tâm chân thật, tức là chữ **A**

Phàm nói chữ **A** tức là mẹ của tất cả chư Phật, là nơi sinh của tất cả Chân Ngôn, rất u thượng diệu, là chữ của Tâm Phật

Nếu nói âm bên trong chữ **A** tức là âm trong cổ họng. Nên biết chữ **A** này bày khắp tất cả chi phần, tức là nghĩa **Vốn chẳng sinh**

Phàm có hai âm. Một tên là **A Sát La** (Acala) là chữ căn bản cũng gọi là nghĩa **Bất Động** (Acala). Bất Động là nghĩa **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)

Như hai âm tối sơ **A A** (𑖀 𑖀 _ A Ā) là chữ căn bản. Tiếp từ **Y Y** (𑖄 𑖄 _ I Ī) cho đến **Ó Ao** (𑖛 𑖛 _ O AU) có 12 chữ đều là theo sự sinh tăng thêm, đều là tiếng người nữ

Chữ căn bản ấy là tiếng người nam. Tiếng người nam nghĩa là **Tuệ**, tiếng người nữ nghĩa là **Định**

Lại giải nói có 5 tiếng, tiếng của thể chữ **A**, tiếng của hành chữ **A**. Phàm từ **Y Y** đến **Ó Áo** có 12 chữ đều là tiếng của Tam Muội. Chữ **Ám** (𑖀 _ AM) là tiếng chứng **Tam Bồ Đề** (Sambodhi: Chính Giác), Chữ **Ác** (𑖀 _ AH) là tiếng vào Đại Bát Niết Bàn (Mahā-parinirvāṇa)

Nếu thấy **Ngưỡng Nhưông Noa Nãng Mãng** (𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉 _ NA ÑA ṆA NA MA) tức đồng với điểm trên, cũng là tiếng chứng Tam Bồ Đề (Sambodhi)

Nếu thấy 8 chữ của nhóm **Dã La** (𑖀𑖁 _ YĀ RĀ) tức đồng với điểm đặt bên cạnh (Bàng Điểm) cũng là tiếng của Đại Bát Niết Bàn (Mahā-parinirvāṇa)

Chữ căn bản ấy biến tất cả chón, chữ tăng thêm cũng biến tất cả chón

Căn bản, tăng thêm chẳng khác nhau đều dùng gốc thể của chữ căn bản mà vẽ thêm ở bên cạnh và góc của chữ. Chính vì thế cho nên căn bản, tăng thêm chẳng phải một chẳng phải khác. Giống như trong vật khí chứa đầy nước. Nhân vật khí giữ nước, nước chẳng lia vật khí. Như vậy bèn cùng nhau y trì, hay biến khắp bên trong bên ngoài

Chẳng phải chỉ có chữ **A** biến tất cả chón. Tiếp từ **Ca Khư Nga Già Ngưỡng** (KA KHA GA GHA ÑA) cho đến chữ **Khất-sái** (KṢA) cũng biến tất cả chón. Tại sao thế? Đều là âm của căn bản, tức là chữ **A**

Lại như chữ **ca** (KA) mỗi mỗi đều tự có chữ theo sinh tăng thêm. Như trong chữ **Ca** tức có chữ **Kế Cái** (KI KAI) đều là tiếng người nữ, duyên thêm thể của chữ **Ca** vẽ thêm ất thành chữ tăng thêm. Thể là nghĩa của Tuệ mà gia thêm là Định Tuệ cùng giữ nhau hợp mà

làm một. Thế ấy chẳng mất , Chi Quán song hành cũng biến tất cả chốn, bởi thế tăng thêm biến ở căn bản, căn bản biến ở tăng thêm, theo sinh biến nơi Chung Tử, Chung Tử biến nơi theo sinh.

Sở dĩ tiếng Phạn ghi là **Ô Bà Phộc** (Udbhava) cũng gọi là **Phát Khởi** giống như hạt giống sinh quả, quả lại thành hạt giống. Nay chữ A này tức đồng với hạt giống hay sinh nhiều quả, mỗi mỗi lại sinh trăm ngàn vạn bội cho đến triển chuyển vô lượng chẳng thể nói vậ. Xong thấy hạt biết quả, nhân đã như đây nên biết quả ắt như thế.

Nay chữ A này cũng như vậy, từ căn bản này là Trí tự nhiên không có thầy. Tất cả Trí Nghiệp từ đày mà sinh bày các chi phần. Bày chi phần tức là Tự Tâm (tâm của mình). Do tự tâm này liền nhiếp tất cả thân phần, lia tâm không có thân, lia thân không có tâm cũng đồng với chữ A.

Nếu bày khắp chữ này liền đồng với chữ Phật. Ấy là từ chữ có quả, tức là Phật hay chứng Chính Trí nên gọi là Chính Giác. Do biết Lý Tính của chữ này nên được tên của Như Lai. Tính Lý của chữ này là chữ A tức là nghĩa **vốn chẳng sinh**

Lại như người có tâm hay khắp chi phần đều chịu khổ, vui. Chữ A cũng biến tất cả chi phần tức là nghĩa **tâm vốn chẳng sinh**

Chữ A biến tất cả chữ. Nếu tất cả chữ không có chữ A tức chữ chẳng thành, cốt yếu có chữ A. Nếu chữ không có đầu tức chẳng thành chữ cho nên dùng chữ A làm đầu, theo một âm của chữ A

Phàm trong tất cả các tiếng đều có âm của chữ A , hẳn được âm của chữ A này. Theo âm biểu thị của chữ mà được có tiếng, sinh đã có tiếng. Sinh đã có tướng cho nên biến ở chi phần hay biểu thị cho tất cả Pháp của Thế Gian và Xuất Thế Gian

Nếu chỉ thấy âm chữ ấy tức hay nói rõ cái bên ngoài ở cái bên trong. Lại thiết yếu âm vận, ngữ ngôn, răng nanh, răng, lớp màng trên da, (?)... có được nơi biểu thị bên ngoài là: màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, đông, tây, nam , bắc, vuông, tròn, lớn, nhỏ, trên , dưới, tôn quý, thấp hèn, tất cả sự loại... mới có thể lĩnh giải.

Cho nên Kinh ghi là: “Bí Mật Chủ! Đây là Pháp Môn biến tất cả chốn”

Lại **Kinh Hoa Nghiêm** ghi là: “Tự Mẫu như vậy hay đối với tất cả Pháp khéo léo của Thế Gian với Xuất Thế Gian dùng Trí thông đạt, đến nơi bờ kia, phương cách đặc thù , nghề nghiệp khác lạ thành tổng hợp không có sót . Văn tự, toán số , tích chứa việc giải thâm sâu Y phương (ngành thuốc), Chú Thuật khéo chữa mọi bệnh. Có các chúng sinh bị Quỷ My bắt giữ, oán ghét, nguyên rủa, sao ác biến quái, thân chết chạy đuổi, điên khùng, gầy ốm , mọi loại bệnh tật đều có thể cứu chữa khiến cho khỏi bệnh . Lại khéo biết riêng: vàng, ngọc, châu báu, san hô, lưu ly, Ma Ni, xà cừ, Kê Tát La Tất cả nơi sinh ra kho tàng báu, phẩm loại chẳng đồng, giá cả nhiều ít, thôn, dinh, làng, ấp, Đô thành lớn nhỏ, cung điện, vườn hoa, vườn thú, núi cao, suối , (?) thấm ướt

Phàm là nơi cư ngụ của tất cả mọi người. Bồ Tát hoặc tùy theo phương nhiếp hộ. Lại khéo quán sát Thiên Văn, Địa Lý, tướng người, tốt xấu, âm thanh của chim thú, khí hậu ra sao, năm được mùa hoặc phải tiết kiệm, sự an nguy của đất nước. Như vậy hết thảy kỹ nghệ của Thế Gian chẳng có gì không luyện tập bao gồm để biết tận nguồn gốc của nó”

Lại sở dĩ Kinh ghi là: “Này Bí Mật Chủ! Cho nên dùng chữ A làm đầu” . Chữ A tức là tâm của Chân Ngôn, chữ của Tâm Phật đã nói ở trên

A Xà Lê trụ ở Phật Địa, **Nghĩa** giống như chưa xong tức là trụ trong đây trụ Môn quán chữ A

Chữ A này cũng gọi là **Xa Ma Tha** (Śamatha: Chi), cũng gọi là Trí của **Tỳ Bát Xá Na** (Vipaśyana: Quán), cũng gọi là Trí của Chân Bảo, cũng gọi là **Nhất Thiết Trí Trí** (Sarva-jñā-jñāna)

Bởi thế Kinh ghi là: Nhất Thiết Trí Trí, Căn Bản Trí Trí, Hậu Đắc Trí. Từ Hậu Đắc Trí khởi Đại Bi, từ Đại Bi khởi ba loại Hóa Thân

Phạm A Xà Lê nếu quán chữ này mà tương ứng tức là thân của mình đồng với thân của Tỳ Lô Giá Na Phật, cũng gọi là thân của Kim Cương Bất Hoại, cũng gọi là Phổ Hiện Sắc Thân, cũng gọi là ba loại Ý Sinh Thân

A Xà Lê là quán Luân của chữ A này giống như Luân của đuôi chim công , ánh sáng vây quanh. Hành Giả mà trụ trong ấy tức là trụ ở Phật Vị. Chính vì thế cho nên trong cái gương tròn của Pháp Giới thanh tịnh hiện ra chữ A. Bởi vậy từ chữ A xoay chuyển sinh ra các chữ, tức biến khắp trong tất cả danh tự của Chân Ngôn, xoay vòng qua lại trăm ngàn vạn bội, vào các Môn Tuyền Đà La Ni , tổng trì không ngại. Bởi thế chữ A xoay chuyển sinh ra ba Thân , bốn Trí mà chuyển bánh xe Pháp.

Nếu Hành Giả vì người làm A Xà Lê .Trước tiên nên xây dựng **Đại Bi Thai Tạng Mạn Đà La Vương** (Mahā-kāraṇa-garbhodbhava-maṇḍala-rāja) trụ ở Phật Vị. Đem các chữ này hợp tập thành thân, liền trụ Phật Vị. Xong lúc Bố Tự (xếp bày chữ) thì chia làm bốn lớp, mỗi lớp đều có ba loại Quy Mệnh. Cái đầu là Sơ Phần, cổ họng là phần thứ hai, trái tim là phần thứ ba, lỗ rốn là phần thứ tư.

𑖀 𑖁 𑖂 𑖃

A a ám ác

A Ā AM AH

𑖄 𑖅 𑖆 𑖇

Ca ca kiếm cước

KA KĀ KAM KAḤ

𑖈 𑖉 𑖊 𑖋

Khur khur khiếm khước

KHA KHĀ KHAM KHAḤ

𑖌 𑖍 𑖎 𑖏

Nga nga nghiêm ngược

GA GĀ GAM GAḤ

𑖐 𑖑 𑖒 𑖓

Già già kiệm ngược

GHA GHĀ GHAM GHAḤ

𑖔 𑖕 𑖖 𑖗

Già già chiêm chước

CA CĀ CAM CAḤ

𑖘 𑖙 𑖚 𑖛

Xa xa xiêm xước

CHA CHĀ CHAM CHAḤ

𑖜 𑖝 𑖞 𑖟

Nhược nhược nhiễm nhược

JA JĀ JAM JAḤ

𑖠 𑖡 𑖢 𑖣

Xã xã chiêm tiêu

JHA JHĀ JHAM JHAḤ

𑖤 𑖥 𑖦 𑖧

Tra tra chiêm trách

ṬA ṬĀ ṬAM ṬAḤ

𑖨 𑖩 𑖪 𑖫

Tha tha siêm sách

ṬHA ṬHĀ ṬHAM ṬHAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Noa noa nam nạch

DA DĀ DAM DAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Đồ đồ trạm thích

DHA DHĀ DHAM DHAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Đá đa đạm đát

TA TĀ TAM TAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Tha tha tham thác

THA THĀ THAM THAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Na na nạm nặc

DA DĀ DAM DAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Đà đà đạm đạc

DHA DHĀ DHAM DHAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Bả ba địn̄h bác

PA PĀ PAM PAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Pha pha phiêm bặc

PHA PHĀ PHAM PHAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Ma ma hàm mặc

BA BĀ BAM BAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Bà bà phạ̄m bặc

BHA BHĀ BHAM BHAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Dã dã diêm đượ̄c

YA YĀ YAM YAḤ

[Bản Kinh ghi thiếu phần này: 𑀓 𑀔 𑀕 𑀖 _ RA RĀ RAM RAḤ]

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

La la lã̄m lặc

LA LĀ LAM LAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Phộc phộc noan phộc

VA VĀ VAM VAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Xa xa đạ̄m thườ̄c

ŚA ŚĀ ŚAM ŚAḤ

𑀓 𑀔 𑀕 𑀖

Sa sa sam sắch

ŚA ŚĀ ŚAM ŚAḤ

ㅅㅅㅅㅅ

Sa sa tằm tác

SA SĀ SAM SAH

ㅅ ㅅ ㅅ ㅅ

Ha ha hạm hoắc

HA HĀ HAM HAH

ㅅ ㅅ ㅅ ㅅ

Khất-sái, khất-xoa, khất-sam, khất-sách

KṢA KṢĀ KṢAM KṢAH

ᄃ ᄃ ᄃ ᄃ ᄃ ᄃ ᄃ ᄃ ᄃ ᄃ ᄃ

Y ải ô ô lý lý lý lý é ái ó áo

I Ī U Ū R Ṛ L Ḷ E AI O AU

ㄹ ㄹ ㄴ ㄹ ㅅ

Ngưỡng nhương noa năng mǎng

NĀ NĀ NĀ NA MA

ㄴ ㄴ ㄴ ㄴ ㅅ

Ngang nhương ninh nang mang

NĀ NĀ NĀ NĀ MĀ

ㄴ ㄴ ㄴ ㄴ ㅅ

Ngược nhiêm nam nam noan

NAM NĀM NAM NAM MAM

ㄴ ㄴ ㄴ ㄴ ㅅ

Ngược nhược nặh nặh mặc

NAH NĀH NAH NAH MAH

Phạm Pháp **Bổ Tự** nên từ Bạch Hào ở khoảng giữa chân mày (tam tinh) của Hành Giả mà quán chữ **Ca** (ㅅ_ KA) xoay đuôi theo bên phải rồi chuyển khiến vòng lại , cùng tiếp nối bốn lớp cũng lại như vậy , mỗi mỗi hợp tập thành thân

Bởi thế Kinh ghi rằng: **Ca tả tra đa bả** (KA CA ㅌA DA DHA), thoát đầu, khoảng giữa, chặng cuối cùng gia thêm. Dùng Phẩm Loại của Đẳng Trì cùng nhập vào thì tự nhiên đắc được Bồ Đề Tâm Hạnh, thành Đẳng Chính Giác với Bát Niết Bàn. Tức là nghĩa của bốn lớp **A a ám ác** (A Ā AM AH) lúc đầu (sơ)

Lại 20 chữ của nhóm **Ca tả tra đá đá** (KA CA ㅌA DA DHA) tức là nghĩa của chặng giữa (trung)

Y y (I Ī) ấy đến **Ó áo** (O AU) có 12 chữ tức là gia thêm, dùng nghĩa Phẩm loại của Đẳng Trì

Lại **Ngưỡng Nhương Noa Năng Mǎng** (NĀ NĀ NĀ NA MA) đến **Ngược Nhược Nặh Mặc** (NAH NĀH NAH NAH MAH) gồm có 20 chữ tức là nghĩa của tướng chặng sau (hậu tướng) cho nên gom lại mà nói là **cùng vào tự nhiên**

Lại giải chia ra làm ba phần. Cái đầu là **Sơ Phần** (phần khởi đầu) [màu vàng] , cổ họng, trái tim là **Trung Phần** (phần ở giữa) [màu trắng], lỗ rốn là **Hậu Phần** (phần sau cùng) [màu đen]

Nếu dùng chữ **Ca** (KA) làm Luân tức chặng dùng chữ **Kiểm** (KAM), nếu dùng chữ **Kiểm** làm Luân tức chặng dùng chữ **Ca**. Đây là phát Tâm Bồ Đề, Hành Quả làm chặng giữa, Đại Tịch làm phần sau.Đó gọi là ba phần

A Xà Lê đã được ba lớp **Thành Thân** như vậy xong. Mạn Đồ La ấy với Đệ Tử cũng an bày như vậy. Ba việc đều thành. Đó gọi là Bí Mật Mạn Đồ La

Nếu chẳng đạt rõ ý thú trong việc này thì khó thể y theo Sự Pháp lúc trước mà làm, chẳng được gọi là khéo làm, uổng phí công phu ấy cũng không có nơi thành tựu vậy.

Lại Pháp **Bổ Tự** này tức là **Đại Bi Thai Tạng Tam Trùng Bí Mật Mạn Đồ La**. Tự Phi Nhân (chẳng phải con người) tập Hạnh của **Chân Minh**. Người kham nhận truyền trụ mới dùng ý tưởng truyền cho, chẳng thể dùng văn ghi chép cho nên bậc Thầy dùng miệng trao cho (Kinh ghi rằng: Chỉ có nói **Phẩm Tự Luân**)

Y Y (I Ī) ấy đến **Ó Ao (O AU)** có 20 chữ đều rải bày ở bên ngoài Tự Luân (bánh xe chữ)

Lại **Ngưỡng Nhượng Noa Nã Mãng (ÑA ÑA ÑA NA MA)**, **Nghiệm Nhiệm Nam Nam Noan (ÑAM ÑAM ÑAM NAM MAM)**, **Ngược Nhược Nạch Mô Mạc (ÑAH ÑAH ÑAH NAH MAH)**. Phàm 5 chữ tùy theo ba Luân mà chuyển cùng vào tự nhiên

Nay Luân này tức là nghĩa của ba Chuyển Pháp Luân. Hành Giả tương ứng như vậy bày chữ trì niệm, tức là thân của Trì Minh giống như Thần Lực gia trì của Đại Nhật Như Lai ngang bằng không có khác.

Luân này cũng có tên là **Nhân Duyên Luân**, Thầy với Đệ Tử và Mạn Đồ La đều như vậy an bày các chữ, cũng gọi là Luân của **Bí Mật**

Các chữ này cũng là chữ của tất cả Tâm Phật, cũng gọi là Luân của Chân Ngôn

Luân, tiếng Phạn là **A Sát La Luân (Akṣara-Cakra)** ấy là từ Luân chữ A sinh ra nhiều chữ nên gọi là Luân. Chữ A tức là Thể Tính Bồ Đề như **Ma Ha Tỳ Lô Giá Na (Mahā-vairocana)** trụ ở Thể Tính của Tâm Bồ Đề, mọi loại thị hiện Phổ Môn lợi ích, mọi loại biến hiện vô lượng vô biên Tuy **Thùy Tích** như vậy không cùng, xong thật thường trụ chẳng động, cũng không có khởi diệt giống như bánh xe tuy lại vận chuyển không cùng mà vị trí chính giữa chưa từng dao động. Do chẳng động cho nên hay chế mọi động cơ, động mà không động tức là nghĩa **Vốn chẳng sinh** của chữ A. Dùng không sinh không diệt mà sinh tất cả Luân chữ. Luân không cùng là tên gọi **Luân Bất Động (Acala-cakra)**

A Xà Lê nếu hay như vậy liễu đạt Luân Bất Động mà bày các chữ. Thể ấy tự nhiên, thân có nơi biểu tượng thì không có gì chẳng phải là Mật Ấn, miệng có nói điều gì đều là Chân Ngôn, ý thường dùng trụ thì không có gì không phải là Quán Môn.

Phàm có thấy, nghe, tiếp chạm, biết ... đều quyết định ở Vô Thượng Bồ Đề, chỗ thành của Phước Lợi chân thật chẳng hư dối. Nếu hay như vậy tức đồng với Tỳ Lô Giá Na Như Lai mà làm việc Phật, thường chiếu Thế Gian

A Xà Lê nếu lúc niệm tụng, hoặc quán **Cú Luân**. Cú Luân là quán Tâm của Bản Tôn, có vòng sáng tròn trịa (viên minh) mà bày chữ của Chân Ngôn. Luân chuyển nối tiếp nhau rõ ràng hiện trước mặt. Quán **Tự Luân (Akṣara-cakra: bánh xe chữ)** này như sữa trắng, thứ tự lưu chú (chảy rót) vào trong miệng của Hành Giả. Hoặc rót vào đỉnh đầu nối tiếp nhau chẳng dứt tràn đầy thân ấy. Trong Viên Minh đó có chữ **Chủng Tử**, chữ thường sáng rõ giống như giòng nước chảy không tận. Như vậy cực nhọc trì tụng xong tức chỉ trụ nơi Tâm vắng lặng là chữ A

Lại nói ba lạc xoa số tức là ba mươi vạn biến

Nếu Hành Giả lại được thấy nhóm **Chủng Tử**, An của Bản Tôn tức theo trong **Chủng Tử**, An của Bản Tôn mà thấy Bản Tôn. Như vậy thành tựu xong liền hay an bày khắp các chữ mà thành **Thả** của mình (tự thể) Tức như thật biết tâm của mình, thành thân **Biến Chiếu**. Đó gọi là nghĩa của **Lạc Xoa (Lakṣaṇa)**

Nếu chẳng tương ứng như vậy thì ở trong trăm năm., niệm đủ ngàn vạn Lạc Xoa cũng chẳng được thành hưởng chi là ba lạc xoa sao?!...

Nếu Hành Giả có ba tướng bình đẳng. Một là **Thật Tướng** của thân là một lạc xoa trừ tất cả sự dơ bản của Thân. Hai là **Thật Tướng** của Ngữ (lời nói) là hai lạc xoa trừ tất cả sự dơ bản của lời nói. Ba là **Thật Tướng** của Ý là ba lạc xoa trừ tất cả sự dơ bản của Tâm. Trừ

xong ba điều đơ bản (Tam cấu) thì sinh ba Công Đức, chứng từng phần Công Đức của Như Lai. Như vậy, Nghiệp tương ứng trụ Bồ Đề Tâm Giới, thấy đều viên mãn tất cả Địa Ba La Mật. Tùy theo Pháp Giáo đã trụ đều y theo Minh Cẩm (cẩm giới của Minh) tùy theo ước nguyện thành quả, thường nên đối với ta người (tự tha) thương xót mà cứu hộ.

Kinh ghi rằng: Bí Mật Chủ bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Vì sao Đức Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri được Nhất Thiết Trí Trí, rộng diễn phân bày mọi loại Đạo, diễn nói Nhất Thiết Trí Trí mỗi mỗi đều đồng với Ngôn Âm ấy, trụ mọi thứ uy nghi mà Đạo của Nhất Thiết Trí Trí chỉ có một Vị. Thế Tôn! Ví như tự tính của đất, nước, lửa, gió, hư không tràn khắp tất cả nơi chốn đều chẳng xuất ra **Môn chữ A**”

Bởi thế Kim Cương Thủ hỏi Đại Nhật Như Lai: “Trí Tuệ như vậy dùng cái gì làm Nhân, thế nào là gốc rễ, thế nào là cứu cánh?”

Đức Phật bảo: “Này Kim Cương Thủ! **Tâm Bồ Đề** là nhân, **Bi** là gốc rễ, **phương tiện** là cứu cánh. Bí Mật Chủ! Thế nào là Bồ Đề? Ấy là như thật biết tâm của mình”. Tức là một tướng của chữ A, cũng chẳng phải một cũng chẳng phải khác

Lại Kinh ghi rằng: “Kim Cương Thủ hãy lắng nghe! Nay Ta nói tu hành Hạnh Man Đồ La, đầy đủ Pháp Môn của Nhất Thiết Trí Trí. Bởi vì vạn vật cực tròn trịa không thể lại tăng thêm, vì Ứng vật mà tạm thay thế, cuối cùng dứt năng sự, tức diệu quả **Đề Hồ**, cội nguồn của ba Mật”. Biết tới chân thật ấy được gọi là **A xà Lê** nên ứng đủ phương tiện, biết rõ ráo điều Phật đã nói

Cho nên Kinh ghi rằng:

“Lại nữa, Bí Mật Chủ!

Chư Phật đã tuyên nói

An bày các **Tự Môn**

Phật Tử! Nhất tâm nghe

Chữ Ca (𑖀_KA) dưới yết hầu (cổ họng)

Chữ Khư (𑖄_KHA) ngay nóc họng (hàm ếch)

Chữ Nga (𑖆_GA) làm cái cổ (phần ghi chú lại ghi là cái đầu)

Chữ Già (𑖈_GHA) trong yết hầu

Chữ Già (𑖊_CA) làm gốc lưỡi (Thiệt căn)

Chữ Xa (𑖌_CHA) ngay trong lưỡi

Chữ Nhược (𑖎_JA) làm đầu lưỡi

Chữ Xà (𑖐_JHA) chónh sinh lưỡi (Thiệt sinh xứ)

Chữ Tra (𑖒_TA) làm ống chân

Chữ Trá (𑖔_THA) biết bấp đùi

Chữ Noa (𑖖_DA) nói eo lưng

Chữ Trà (𑖘_DHA) dùng an ngồi (2 cái hông)

Chữ Đa (𑖚_TA) phần sau cuối (hậu môn)

Chữ Tha (𑖜_THA) biết cái bụng

Chữ Ná (𑖞_DA) làm hai tay (2 bàn tay)

Chữ Đà (𑖠_DHA) tên hông sườn

Chữ Ba (𑖢_PA) làm cái lưng

Chữ Phả (𑖤_PHA) biết lồng ngực

Chữ Ma (𑖦_BA) làm hai chỏ (2 khủy tay)

Chữ Bà (𑖨_BHA) dưới cánh tay

Chữ Mãng (𑖪_MA) ở trái tim

Chữ Gia (𑖬_YA) tướng âm tàng (Phân hạ bộ)

Chữ La (𑄎_RA) gọi con mắt
Chữ La (𑄏_LA) làm vàng trán
Ái (𑄑_I) Y (𑄒_I) hai vành mắt (I: vành mắt phải_ Ī: vành mắt trái)
Ô Ô hai vành môi (𑄔_U: vành môi trên_ 𑄕_Ū: vành môi dưới)
Ế Ái hai lỗ tai (𑄖_E: lỗ tai phải_ 𑄗_AI: lỗ tai trái)
Ó Ao hai gò má (𑄘_O: gò má phải_ 𑄙_AU: gò má trái)
Chữ Ám (𑄚_AM) câu Bồ Đề
Chữ Ác (𑄛_AH) Đại Niết Bàn
Biết tất cả Pháp này
Hành Giả thành Chính Giác
Của cải Nhất Thiết Trí
Thường trụ nơi Tâm ấy
Đời xung Nhất Thiết Trí
Chính là **Tát Bà Nhã** (Sarva-jña)”

Y theo **Thai Tạng Tỳ Lô Giá Na Kinh Tập Tụ Mẫu Quán Hạnh Nghi** , một bản
Hết

Cự Đường, năm Khai Nguyên, Trung Tuần tháng ba_ Ngũ Bộ Tri Niệm DUY CĂN
tập

Ứng Đức năm thứ hai, tháng mười một, ngày mồng hai_ Ở Nam Thắng Phòng, dùng
Bản thư của viện Tiền Đường_ NHÂN HẢO

Một Thiếp này phụng truyền hai Phẩm Thân Vương xong (CÔNG TRỢ)
Bên trên, như Áo Thư khiến truyền thụ xong hai phẩm Tôn Trấn Thân Vương

_Hiệu chỉnh xong vào ngày 07/03/2012